

NGUỒN GỐC NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA VÀ KHẢ NĂNG GIẢI QUYẾT TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

TRẦN NGỌC HIÊN *

VỚI những bước tiến của xu hướng phát triển bền vững, người ta ngày càng nhận rõ bộ mặt của đô thị hiện nay. Các đô thị hiện đại đã ra đời trong quá trình công nghiệp hóa. Đô thị là nơi tập trung những ưu thế của nền văn minh công nghiệp, đồng thời cũng tích tụ nhiều mặt lạc hậu, được gọi là những vấn nạn của quá trình đô thị hóa.

Bước sang thế kỷ XXI, khi nhu cầu phát triển bền vững ngày càng trở thành xu hướng chủ đạo của thời đại chúng ta, thì những vấn nạn trong đô thị và trong quan hệ giữa đô thị với nông thôn trở thành những cản trở lớn đối với sự phát triển của xã hội và cộng đồng. Các đô thị hiện đại đã phát triển và tương lai của chúng không tách rời các giai đoạn phát triển của kinh tế thị trường: giai đoạn kinh tế công nghiệp kéo dài 300 năm qua và giai đoạn kinh tế tri thức mới bắt đầu từ cuối thế kỷ XX.

Lịch sử các quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đã cho thấy: những xu thế và vấn nạn của đô thị hiện nay có nguồn gốc từ tính chất kinh tế công nghiệp, nói rõ hơn, từ những ưu điểm và hạn chế của phương thức sản xuất công nghiệp tư bản chủ nghĩa.

Vì vậy, muốn khắc phục những vấn nạn và phát triển đô thị theo hướng bền vững thì không

thể dùng phương pháp "sai đâu sửa đấy" hay biện pháp chữa cháy, mà phải làm rõ nguồn gốc của những vấn nạn, phát hiện và vận dụng những khả năng phát triển bền vững ở giai đoạn mới của kinh tế thị trường, tức là khả năng tiềm tàng trong *phương thức sản xuất hậu công nghiệp* đang hình thành.

I - NGUỒN GỐC CỦA NHỮNG VẤN NẠN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA.

Các đô thị hiện đại ra đời và phát triển trong suốt lịch sử kinh tế công nghiệp hơn 300 năm qua đều gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hình thành các nước công nghiệp và tiếp tục hiện đại hóa trở thành các nước công nghiệp phát triển. Những tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với phát triển đô thị thể hiện ở mấy mặt sau:

Thứ nhất, đô thị hình thành từ các cực tăng trưởng kinh tế.

Suốt chiều dài phát triển kinh tế công nghiệp đều lấy *tăng trưởng kinh tế* làm mục tiêu, nhằm đạt hai yêu cầu gắn bó với nhau: thu lợi nhuận và thắng thế trong cạnh tranh. Đây là

* GS, TS, Liên hiệp các hội Khoa học - Kỹ thuật Việt Nam

những lợi ích sống còn của chủ đầu tư. Chính vì mục tiêu tăng trưởng mà có sự tập trung sản xuất công nghiệp và thương mại, do đó có nhu cầu tập trung dân cư, phát triển khoa học - kỹ thuật, thông tin, văn hóa.

Quá trình tập trung ấy đã hình thành các đô thị. Sự tập trung về mặt không gian các ngành công nghiệp then chốt, những ngành "động lực" với tốc độ tăng trưởng cao tạo ra sức liên kết mạnh mẽ với các ngành kinh tế khác. Cơ cấu kinh tế hình thành từ sự liên kết ấy ở ngay đô thị và có sức lan tỏa ra các vùng. Vì vậy, *đô thị trở thành cực tăng trưởng* của nền kinh tế. Sức cạnh tranh của kinh tế đô thị là nhân tố chủ yếu của sức cạnh tranh quốc gia. Có thể nói mức độ tăng trưởng của một quốc gia thường phụ thuộc vào mức độ tăng trưởng của kinh tế đô thị. Thực tiễn cho thấy, những nền kinh tế đô thị thành công nhất thường là các đô thị đã *xác định đúng các ngành kinh tế "động lực"* và biết thu hút và phát huy mạnh mẽ khoa học công nghệ và khoa học kinh tế.

Thứ hai, sự phát triển đô thị gắn liền với phát triển kinh tế xuất khẩu.

Từ trước đến nay, hướng về xuất khẩu được coi là khâu đặc biệt trong sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. Do các điều kiện về sản xuất dịch vụ và quản lý của kinh tế đô thị tốt hơn, nhanh hơn, nền kinh tế xuất khẩu của một quốc gia thường tập trung ở đô thị, nhất là các đô thị lớn. Vì vậy, đã có thời người ta gọi các ngành kinh tế xuất khẩu là *ngành kinh tế kiến tạo đô thị*, bởi vì mức độ phát triển kinh tế xuất khẩu và dịch vụ được coi như chỉ số phát triển đô thị.

Sự tác động của kinh tế xuất khẩu đã đưa đến sự hình thành các loại hình khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các "vườn ươm" khoa học, công nghệ và công ty.... Có bao nhiêu loại hình phát triển kinh tế mới thì có bấy nhiêu nhân tố *thúc đẩy sự phát triển* đô thị.

Ngoài ra, kinh tế xuất nhập khẩu cũng là con đường mở đầu sự giao lưu, *hợp tác giữa các*

đô thị trong nước với đô thị nước ngoài. Quá trình giao lưu, hợp tác ấy không những có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế mà còn tác động ngày càng sâu về văn hóa, khoa học, giáo dục và lối sống của dân cư đô thị trong nước.

Thứ ba, tính chất hai mặt của phát triển đô thị trong giai đoạn kinh tế công nghiệp.

Quá trình phát triển đô thị lấy tăng trưởng kinh tế làm trọng tâm đã đem lại hai mặt đối lập rõ rệt nhất của các đô thị trong thế kỷ XX. *Mặt tích cực của các đô thị* đã được Liên hợp quốc khảo sát với các chỉ số sau như: Nâng mức tuổi thọ trung bình trên thế giới từ 53,4 tuổi (năm 1960) lên 65,6 tuổi (1992). Tỷ lệ trẻ em tử vong trên thế giới đã giảm từ 128 em/1.000 em xuống 60 em/1.000 em. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 40% (1975) xuống 35% (1990). Tỷ lệ dân cư được dùng nước sạch tăng từ 36% lên 70%. Tỷ lệ xóa nạn mù chữ cho người lớn tăng từ 40% lên 69%.

Ngoài ra, ở các đô thị, khoa học, công nghệ cũng như văn học - nghệ thuật được phát triển mạnh mẽ. Những tiến bộ về các mặt xã hội đó đều dựa trên mức độ tăng trưởng của quốc gia. Trong đó GDP đầu người ở đô thị thường cao hơn 3 đến 5 lần GDP bình quân đầu người của cả nước và cao hơn nhiều lần ở nông thôn. Những tiến bộ ấy đạt được còn nhờ các cuộc đấu tranh của những người lao động đòi cải thiện đời sống và công bằng xã hội.

Ngoài mặt tích cực của các đô thị, còn có *những mặt hạn chế, tiêu cực* được gọi là những vấn nạn phổ biến như: Sự phân hóa giàu nghèo quá mức trong đô thị và giữa đô thị với nông thôn làm trầm trọng những vấn đề xã hội và cản trở kinh tế đô thị phát triển. Môi trường đô thị bị ô nhiễm, còn các vùng phụ cận thì bị tàn phá nặng nề. Tình trạng giao thông đô thị hỗn độn, thậm chí có nơi bế tắc. Sự tan rã của kết cấu gia đình chỉ dựa trên tiền bạc, trẻ em bụi đời tăng nhanh. Nhiều đô thị mở rộng quy mô trong tình trạng vô chủ, nên nhà ở, sinh hoạt của cư dân khó khăn. Tình trạng tội phạm gia tăng, an ninh không bảo đảm. Tuy *mức sống ở đô thị được* nâng cao nhưng *lối sống* do đồng tiền chi phối

đã gây ra tình trạng khủng hoảng đô thị phổ biến. Sự mở rộng quy mô đô thị lại đi đôi với sự cần cỗi của khu vực nội thành.

Tất cả những mặt tích cực và tiêu cực nói trên của đô thị là kết quả tất nhiên của khuynh hướng phát triển phiến diện, tức là khuynh hướng chỉ biết lấy tăng trưởng kinh tế làm trọng tâm, *bất chấp những vấn đề xã hội và môi trường*. Khuynh hướng đó bắt nguồn từ những ưu điểm và hạn chế (có tính chất lịch sử) của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở giai đoạn kinh tế công nghiệp.

II. - NHỮNG KHẢ NĂNG ĐÔ THỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.

Những khả năng phát triển bền vững của đô thị nói ở đây không phải rút ra từ những tư tưởng nhân văn không tưởng, hay từ những mong muốn chủ quan duy ý chí. Thế giới ngày nay đang mở ra những khả năng, những con đường phát triển mới của đô thị, được nhận biết khi phân tích một cách biện chứng các biến đổi có tính chất nghịch lý. Những khả năng này nằm trong các xu hướng đang thúc đẩy sự hình thành mô hình kinh tế - xã hội mới ở giai đoạn hậu công nghiệp. Do đó chỉ khi nhận thức được xu hướng thời đại thì mới phát hiện được những khả năng ấy.

1 - Xu hướng kinh tế tri thức thay thế kinh tế công nghiệp và khả năng đô thị phát triển bền vững.

Trong giai đoạn trước đây, đô thị kiểu cũ với nhiều vấn nạn đã phát triển cùng với kinh tế công nghiệp. Nhưng từ khi xuất hiện quá trình kinh tế tri thức thay thế kinh tế công nghiệp thì phương hướng phát triển đô thị bắt đầu thay đổi theo đòi hỏi của kinh tế tri thức. Sự thay đổi này bắt nguồn từ *tính chất và trình độ lực lượng sản xuất* kinh tế tri thức:

- *Một là*, chỉ có lực lượng sản xuất này mới đủ sức khắc phục các vấn nạn của đô thị về mặt xã hội, do năng suất lao động cao phổ biến, nhờ đó không chỉ đem lại mức sống khá giả phổ biến trong xã hội, mà còn có thể rút ngắn dần

thời gian lao động, tăng dần thời gian dành cho các nhu cầu văn hóa và sự phát triển của cá nhân.

- *Hai là*, lực lượng sản xuất này dựa trên lao động tri thức và xã hội học tập, nên dân trí phát triển đồng đều, đem lại lối sống hòa hợp giữa cá nhân - gia đình - cộng đồng, khắc phục tình trạng khủng hoảng gia đình, khủng hoảng đô thị.

- *Ba là*, chỉ có kinh tế tri thức mới tạo ra điều kiện cần thiết để bảo vệ môi trường đô thị và môi trường chung. Nhờ đó lần đầu tiên xuất hiện khả năng đổi mới quan hệ giữa con người với tự nhiên, xây dựng quan hệ thân thiện với tự nhiên.

2 - Xu hướng dân chủ hóa đầy đủ và khả năng phát triển đô thị lấy con người làm trung tâm.

Tác động chủ yếu của kinh tế tri thức đối với đô thị là sự thay đổi phương hướng phát triển từ "phát triển đô thị lấy tăng trưởng kinh tế làm trung tâm" chuyển lên "phát triển đô thị lấy con người làm trung tâm". Phương hướng lấy con người làm trung tâm trong phát triển đô thị ở giai đoạn kinh tế tri thức *hoàn toàn khác* với tư tưởng vì con người dựa trên kinh tế kế hoạch của nhà nước thực hiện bao cấp, mà các nước xã hội chủ nghĩa thế kỷ XX đã thực hiện. Điều mới mẻ và sâu sắc trong phương hướng phát triển đô thị lấy con người làm trung tâm là ở *sự tham gia của người dân*, vai trò của người dân và lợi ích của người dân trở thành mục đích trực tiếp của phát triển đô thị.

Sự tham gia của người dân bắt đầu từ *công tác quy hoạch* xây dựng đô thị của chính mình. Sự tham gia của dân được *pháp luật quy định*, đồng thời là một bảo đảm cho dự án được chấp nhận với mức độ cao. Ngoài ra, còn phải có sự tham gia của các cơ quan và đơn vị khác (như bưu điện, trường học, y tế, giao thông, nước sạch...). Theo kinh nghiệm quốc tế, sự tham gia của người dân theo luật định trong đồ án quy hoạch sử dụng mặt bằng và đồ án quy hoạch xây dựng được tiến hành theo hai bước:

Bước 1, chính quyền thông báo về mục tiêu quy hoạch, nêu rõ những tác động và ảnh hưởng mà quy hoạch mới có thể đưa lại, để dân góp ý kiến. Bước 2, niêm yết công khai khoảng một tháng để tranh thủ rộng rãi ý kiến người dân sau đó chính quyền tổng hợp lại, trình ra hội đồng địa phương. Trong trường hợp dân không được tham gia, họ có quyền kiện ra tòa án và tòa án hành chính thường phán quyết theo ý dân. Như vậy, thể chế nhà nước pháp quyền phát huy tác dụng sâu sắc trong giai đoạn xây dựng đô thị.

3 - Nhu cầu đổi mới quy hoạch không gian trong tiến trình hiện đại hóa, hội nhập và khả năng xây dựng không gian đô thị - nông thôn phát triển bền vững.

Quá trình hiện đại hóa đất nước và hội nhập, tất yếu phải có những thay đổi về quy hoạch không gian cả nước theo yêu cầu mới. Chính sách quy hoạch không gian và phát triển đô thị sẽ quyết định bộ mặt mới của nước ta trong vài thập kỷ tới. Trong đó sự phát triển đô thị bền vững phải quan tâm nhiều tới chính sách sử dụng tiết kiệm đất đai, chính sách giao thông đô thị hợp lý, chính sách môi trường nhằm bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Bởi vì những chính sách ấy có quan hệ trực tiếp đến nông thôn, đến môi trường sống của dân cư nông thôn, do đó ảnh hưởng đến tính hợp lý và bền vững của không gian rộng lớn giữa đô thị với nông thôn.

Muốn vậy, *định hướng quy hoạch không gian cần hướng tới sự phát triển bền vững tương đối không đều các vùng trong cả nước. Quan niệm phát triển tương đối đồng đều không phải là dựa trên đầu tư dàn đều cho các vùng, các địa phương, mà chủ yếu là tạo điều kiện bảo đảm không chênh lệch lớn về điều kiện sống và mức sống. Định hướng này trước hết để khắc phục những vấn nạn ở đô thị đến từ nông thôn (như vấn đề dân cư nông thôn đổ về đô thị kiếm việc làm, trẻ em lang thang, lối sống lạc hậu...), sau đó là để phát triển nông thôn.*

Định hướng quy hoạch không gian còn phải bảo đảm *phát triển hài hòa giữa công nghiệp*

với nông nghiệp, thương mại và dịch vụ sẽ tăng việc làm ở nông thôn, cải thiện điều kiện sống và mức sống, cải thiện môi trường, môi sinh, tạo ra cơ sở phân bố dân cư ngày càng hợp lý hơn. Theo quan điểm phát triển, khi chính sách hướng tới sự phát triển tương đối đồng đều các vùng, sự phát triển hài hòa đô thị với nông thôn, thì rất cần xác định những trung tâm kinh tế mang tính chất động lực cho cả vùng, và ở phạm vi rộng lớn hơn.

4 - Cải cách tổ chức và cơ chế quản lý đô thị - điều kiện tiên quyết để đô thị phát triển bền vững.

Những khả năng đô thị phát triển bền vững nói trên là những khả năng thực tế khi vận dụng kinh tế tri thức trong phát triển đô thị. Nhưng muốn biến khả năng khách quan ấy thành hiện thực thì đòi hỏi có điều kiện chủ quan phù hợp. Đó là vấn đề tổ chức và quản lý đô thị.

Hiện trạng đô thị nước ta ghi lại dấu ấn của nhiều "tầng văn hóa - kiến trúc" khác nhau, từ thời phong kiến, thực dân cho đến hiện nay. Tuy vậy, bộ mặt đô thị nước ta hiện nay lại thể hiện đậm nét nhất của văn hóa xây dựng trong cơ chế thị trường, của tư duy và phong cách cán bộ quản lý, đang gây ra nhiều lo lắng bởi tình trạng "có xây dựng mà không có kiến trúc", thậm chí "kiến trúc đô thị - thách thức bản sắc dân tộc".

Thời đại hiện nay đang đem lại cơ hội và khả năng cho nước ta phát triển theo con đường rút ngắn, nhưng trong lĩnh vực xây dựng người ta đang đi theo con đường khác? Nhiều cuộc hội thảo đã phân tích và tìm nguyên nhân về tư duy, phẩm chất cán bộ và tổ chức quản lý. Phân tích vấn đề sâu hơn, ta thấy từ hiện trạng đô thị, cách làm ăn của người dân, tới cung cách quản lý đang đặt ra câu hỏi "tầng văn hóa - kiến trúc" nào đang chi phối các hoạt động xây dựng đô thị nước ta?

Chừng nào chúng ta chưa vượt lên khỏi tầng văn hóa lạc hậu thì chừng đó chưa có sự đổi mới văn hóa về quản lý và đô thị nước ta còn ở dưới mức đô thị thời kỳ công nghiệp thế kỷ XX. □